

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. (4,0 điểm)

Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 16. Mỗi câu hỏi học sinh chỉ chọn một phương án đúng bằng cách tô vào phiếu trả lời trắc nghiệm (mỗi câu đúng được 0,25 điểm)

Câu 1. Học địa lí giúp em:

- A. Khám phá được tự nhiên, văn hóa, kinh tế nhiều nơi trên thế giới
- B. Giải thích các hiện tượng vật lý.
- C. Tìm hiểu lịch sử của nhân loại.
- D. Nắm vững công thức Hóa học

Câu 2. Gắn việc học Địa lí với thực tiễn cuộc sống giúp em

- A. đạt kết quả cao trong học tập, nâng cao kiến thức và kỹ năng giải quyết vấn đề.
- B. chỉ cần đạt kết quả cao trong học tập .
- C. tập trung vận dụng vào giải quyết các vấn đề trong cuộc sống hàng ngày.
- D. nâng cao kiến thức và kỹ năng giải quyết vấn đề.

Câu 3. Vĩ tuyến gốc là vĩ tuyến

- A. 90^0 .
- B. $23^027'$.
- C. $66^033'$.
- D. 0^0 .

Câu 4. Kinh tuyến đối diện với kinh tuyến gốc là kinh tuyến

- A. 0^0 .
- B. 60^0 .
- C. 90^0 .
- D. 180^0 .

Câu 5. Bản đồ là

- A. hình vẽ thu nhỏ chính xác về một khu vực hay toàn bộ bề mặt Trái Đất.
- B. hình vẽ thu nhỏ kém tuyệt đối chính xác về một khu vực hay toàn bộ bề mặt Trái Đất.
- C. hình vẽ thu nhỏ kém chính xác về một khu vực hay toàn bộ bề mặt Trái Đất.
- D. hình vẽ thu nhỏ tương đối chính xác về một khu vực hay toàn bộ bề mặt Trái Đất.

Câu 6. Nước ta nằm ở phía nào của châu Á?

- A. Tây Nam.
- B. Đông Nam.
- C. Tây Bắc.
- D. Đông Bắc.

Câu 7. Trong các tỉ lệ bản đồ sau đây, tờ bản đồ nào có mức độ chi tiết cao nhất?

- A. 1: 200.000.
- B. 1: 7.500.
- C. 1: 15.000.
- D. 1: 1.000.000.

Câu 8. Tỉ lệ bản đồ chỉ rõ

- A. mức độ thu nhỏ khoảng cách được vẽ trên bản đồ so với thực địa.
- B. độ chính xác về vị trí các đối tượng trên bản đồ so với thực địa.
- C. khoảng cách thu nhỏ nhiều hay ít các đối tượng trên quả Địa cầu.
- D. độ lớn của các đối tượng trên bản đồ so với ngoài thực địa.

Câu 9. Tư liệu hiện vật là

- A. đồ dùng mà thầy cô giáo em sử dụng để dạy học.
- B. những lời mô tả về các hiện vật của người xưa được lưu truyền lại.
- C. bản ghi chép, nhật kí hành trình của các nhà thám hiểm trong quá khứ.
- D. di tích, đồ vật... của người xưa còn được lưu giữ lại trong lòng đất hay trên mặt đất.

Câu 10. Ý nào dưới đây không phản ánh đúng ý nghĩa của việc học lịch sử?

- A. Biết được cội nguồn của bản thân, gia đình, dòng họ và dân tộc.

- B. Biết được quá trình hình thành và phát triển của mỗi ngành, mỗi lĩnh vực.
- C. Biết được chu kì chuyển động của các thiên thể trong vũ trụ.
- D. Đúc kết được những bài học kinh nghiệm của quá khứ phục vụ cho hiện tại.

Câu 11. Quá trình tiến hóa từ vượn thành người diễn ra theo tiến trình nào sau đây?

- A. Vượn người -> người hiện đại -> người tối cổ.
- B. Người tối cổ -> người tinh khôn -> vượn nhân hình.
- C. Vượn người -> người tối cổ -> người tinh khôn.
- D. Người hiện đại -> người tối cổ -> vượn người.

Câu 12. Cách ngày nay khoảng 4 triệu năm, một nhánh của loài Vượn cổ đã tiến hóa thành

- A. vượn người.
- B. Người tối cổ.
- C. Người tinh khôn.
- D.

Người hiện đại.

Câu 13. Lịch sử được hiểu là tất cả những gì

- A. đã và đang diễn ra trong đời sống.
- B. sẽ xảy ra trong tương lai.
- C. đã xảy ra trong quá khứ.
- D. đang diễn ra ở hiện tại.

Câu 14. Nội dung nào dưới đây không đúng khi mô tả về đặc điểm hình thể của Người tối cổ?

- A. Hoàn toàn đi, đứng bằng hai chân.
- B. Trán thấp, bợt ra sau, u mày nổi cao.
- C. Thở tích hợp sọ lớn hơn so với vượn cổ.
- D. Trán cao, mặt phẳng, cơ thể gọn và linh hoạt.

Câu 15. Ngày lễ nào ở Việt Nam được tổ chức theo dương lịch?

- A. Tết Trung thu.
- B. Tết nguyên tiêu.
- C. Giỗ Tổ Hùng vương.
- D. Quốc khánh.

Câu 16. Dương lịch là loại lịch dựa theo chu kì chuyển động của

- A. Trái Đất quanh Mặt Trời.
- B. Mặt Trăng quanh Trái Đất.
- C. Trái Đất quanh trục của nó.
- D. Mặt Trời quanh Trái Đất.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. (2,0 điểm)

Học sinh trả lời từ câu 17 đến câu 18. Trong mỗi ý A, B, C, D ở mỗi câu, học sinh ghi đúng hoặc sai (mỗi câu đúng được 0,25 điểm)

Câu 17. Chúng ta có thể xác định được vị trí của mọi điểm trên bản đồ là nhờ

- A. vai trò của hệ thống kinh, vĩ tuyến.
- B. đặc điểm các đối tượng địa lí trên bản đồ.
- C. số lượng các đối tượng địa lí được sắp xếp trên bản đồ.
- D. mũi tên chỉ hướng bắc với các bản đồ không có hệ thống kinh, vĩ tuyến .

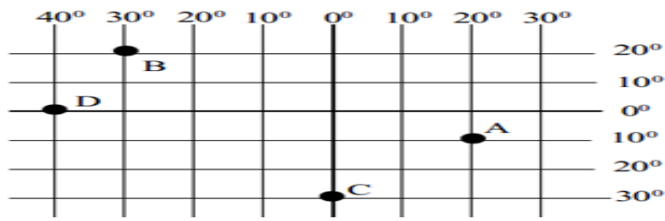
Câu 18. Hãy xác định các câu sau đây Đúng hay Sai về nội dung Lịch sử

- A. Học lịch sử để hiểu được cội nguồn dân tộc, biết được công lao, sự hi sinh to lớn của ông cha ta trong suốt lịch sử dựng nước và giữ nước.
- B. Lịch sử tìm hiểu về quá khứ nhưng không có nhiều giá trị đối với hiện tại.
- C. Học lịch sử để hiểu về quá khứ và xây dựng xã hội hiện tại văn minh.
- D. Học lịch sử để biết sự tiến hoá của sinh vật trên Trái Đất.

PHẦN III. Câu hỏi tự luận (4,0 điểm) Học sinh trả lời vào mặt sau phiếu trả lời trắc nghiệm

Câu 19 (2,0 điểm):

- a. Quan sát hình dưới đây ghi tọa độ địa lí của các điểm A, B, C, D.



- b. Trên bản đồ hành chính có tỉ lệ 1:6 000 000, khoảng cách giữa Thủ đô Hà Nội tới thành phố thành phố Vinh (tỉnh Nghệ An) là 5cm, vậy trên thực tế hai thành phố Vinh cách Thủ đô Hà Nội bao nhiêu ki-lô-mét?
- c. Hãy cho biết 1cm trong thước tỉ lệ dưới đây bằng bao nhiêu cm trên thực tế:



Câu 20. (1,5 điểm) Các sự kiện dưới đây xảy ra cách năm 2024 khoảng bao nhiêu năm:

- + Năm 2000 TCN cách năm hiện tại (năm 2024) bao nhiêu năm?
- + Cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng nổ ra năm 40.

Câu 21. (0,5 điểm) Kể tên một số truyền thuyết có liên quan đến lịch sử mà em biết?

----- **HẾT** -----

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. (4,0 điểm)

Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 16. Mỗi câu hỏi học sinh chỉ chọn một phương án đúng bằng cách tô vào phiếu trả lời trắc nghiệm (mỗi câu đúng được 0,25 điểm)

Câu 1. Nội dung nào dưới đây không đúng khi mô tả về đặc điểm hình thể của Người tối cổ?

- A. Thê tích hộp sọ lớn hơn so với vượn cổ.
- B. Trán cao, mặt phẳng, cơ thể gọn và linh hoạt.
- C. Hoàn toàn đi, đứng bằng hai chân.
- D. Trán thấp, bợt ra sau, u mày nổi cao.

Câu 2. Học địa lí giúp em:

- A. Khám phá được tự nhiên, văn hóa, kinh tế nhiều nơi trên thế giới
- B. Tìm hiểu lịch sử của nhân loại.
- C. Giải thích các hiện tượng vật lý.
- D. Nắm vững công thức Hóa học

Câu 3. Ý nào dưới đây không phản ánh đúng ý nghĩa của việc học lịch sử?

- A. Biết được chu kì chuyển động của các thiên thể trong vũ trụ.
- B. Biết được quá trình hình thành và phát triển của mỗi ngành, mỗi lĩnh vực.
- C. Đúc kết được những bài học kinh nghiệm của quá khứ phục vụ cho hiện tại.
- D. Biết được cội nguồn của bản thân, gia đình, dòng họ và dân tộc.

Câu 4. Ngày lễ nào ở Việt Nam được tổ chức theo dương lịch?

- A. Tết Trung thu.
- B. Tết nguyên tiêu.
- C. Quốc khánh.
- D. Giỗ Tổ Hùng vương.

Câu 5. Gắn việc học Địa lí với thực tiễn cuộc sống giúp em

- A. tập trung vận dụng vào giải quyết các vấn đề trong cuộc sống hằng ngày.
- B. nâng cao kiến thức và kỹ năng giải quyết vấn đề.
- C. chỉ cần đạt kết quả cao trong học tập .
- D. đạt kết quả cao trong học tập, nâng cao kiến thức và kỹ năng giải quyết vấn đề.

Câu 6. Dương lịch là loại lịch dựa theo chu kì chuyển động của

- A. Trái Đất quanh trục của nó.
- B. Mặt Trăng quanh Trái Đất.
- C. Trái Đất quanh Mặt Trời.
- D. Mặt Trời quanh Trái Đất.

Câu 7. Quá trình tiến hóa từ vượn thành người diễn ra theo tiến trình nào sau đây?

- A. Vượn người -> người tối cổ -> người tinh khôn.
- B. Vượn người -> người hiện đại -> người tối cổ.
- C. Người hiện đại -> người tối cổ -> vượn người.
- D. Người tối cổ -> người tinh khôn -> vượn nhân hình.

Câu 8. Nước ta nằm ở phía nào của châu Á?

- A. Tây Bắc.
- B. Đông Nam.
- C. Tây Nam.
- D. Đông Bắc.

Câu 9. Tư liệu hiện vật là

- A. bản ghi chép, nhật kí hành trình của các nhà thám hiểm trong quá khứ.
- B. những lời mô tả về các hiện vật của người xưa được lưu truyền lại.

C. di tích, đồ vật... của người xưa còn được lưu giữ lại trong lòng đất hay trên mặt đất.

D. đồ dùng mà thầy cô giáo em sử dụng để dạy học.

Câu 10. Trong các tỉ lệ bản đồ sau đây, tờ bản đồ nào có mức độ chi tiết cao nhất?

A. 1: 7.500. B. 1: 200.000. C. 1: 1.000.000. D. 1: 15.000.

Câu 11. Tỉ lệ bản đồ chỉ rõ

A. độ chính xác về vị trí các đối tượng trên bản đồ so với thực địa.

B. mức độ thu nhỏ khoảng cách được vẽ trên bản đồ so với thực địa.

C. khoảng cách thu nhỏ nhiều hay ít các đối tượng trên quả Địa cầu.

D. độ lớn của các đối tượng trên bản đồ so với ngoài thực địa.

Câu 12. Lịch sử được hiểu là tất cả những gì

A. đã xảy ra trong quá khứ.

B. đang diễn ra ở hiện tại.

C. sẽ xảy ra trong tương lai.

D. đã và đang diễn ra trong đời

sống.

Câu 13. Vĩ tuyến gốc là vĩ tuyến

A. 90^0 .

B. $23^027'$.

C. 0^0 .

D.

$66^033'$.

Câu 14. Cách ngày nay khoảng 4 triệu năm, một nhánh của loài Vượn cổ đã tiến hóa thành

A. Người hiện đại.

B. vượn người.

C. Người tinh khôn.

D.

Người tối cổ.

Câu 15. Kinh tuyến đối diện với kinh tuyến gốc là kinh tuyến

A. 0^0 .

B. 180^0 .

C. 90^0 .

D. 60^0 .

Câu 16. Bản đồ là

A. hình vẽ thu nhỏ tương đối chính xác về một khu vực hay toàn bộ bề mặt Trái Đất.

B. hình vẽ thu nhỏ kém tuyệt đối chính xác về một khu vực hay toàn bộ bề mặt Trái Đất.

C. hình vẽ thu nhỏ chính xác về một khu vực hay toàn bộ bề mặt Trái Đất.

D. hình vẽ thu nhỏ kém chính xác về một khu vực hay toàn bộ bề mặt Trái Đất.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. (2,0 điểm)

Học sinh trả lời từ câu 17 đến câu 18. Trong mỗi ý A, B, C, D ở mỗi câu, học sinh ghi đúng hoặc sai (mỗi câu đúng được 0,25 điểm)

Câu 17. Chúng ta có thể xác định được vị trí của mọi điểm trên bản đồ là nhờ

A. vai trò của hệ thống kinh, vĩ tuyến.

B. đặc điểm các đối tượng địa lí trên bản đồ.

C. số lượng các đối tượng địa lí được sắp xếp trên bản đồ.

D. mũi tên chỉ hướng bắc với các bản đồ không có hệ thống kinh, vĩ tuyến .

Câu 18. Hãy xác định các câu sau đây Đúng hay Sai về nội dung Lịch sử

A. Học lịch sử để hiểu được cội nguồn dân tộc, biết được công lao, sự hi sinh to lớn của ông cha ta trong suốt lịch sử dựng nước và giữ nước.

B. Lịch sử tìm hiểu về quá khứ nhưng không có nhiều giá trị đối với hiện tại.

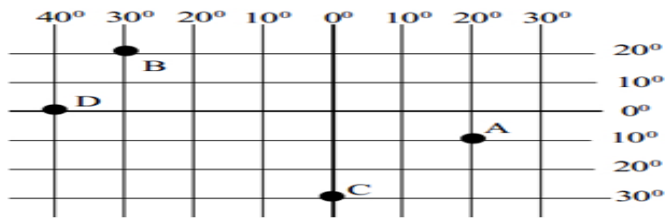
C. Học lịch sử để hiểu về quá khứ và xây dựng xã hội hiện tại văn minh.

D. Học lịch sử để biết sự tiến hoá của sinh vật trên Trái Đất.

PHẦN III. Câu hỏi tự luận (4,0 điểm) Học sinh trả lời vào mặt sau phiếu trả lời trắc nghiệm

Câu 19 (2,0 điểm):

a. Quan sát hình dưới đây ghi tọa độ địa lí của các điểm A, B, C, D.



- b. Trên bản đồ hành chính có tỉ lệ 1:6 000 000, khoảng cách giữa Thủ đô Hà Nội tới thành phố thành phố Vinh (tỉnh Nghệ An) là 5cm, vậy trên thực tế hai thành phố Vinh cách Thủ đô Hà Nội bao nhiêu ki-lô-mét?
- c. Hãy cho biết 1cm trong thước tỉ lệ dưới đây bằng bao nhiêu cm trên thực tế:



Câu 20. (1,5 điểm) Các sự kiện dưới đây xảy ra cách năm 2024 khoảng bao nhiêu năm:

- + Năm 2000 TCN cách năm hiện tại (năm 2024) bao nhiêu năm?
- + Cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng nổ ra năm 40.

Câu 21. (0,5 điểm) Kể tên một số truyền thuyết có liên quan đến lịch sử mà em biết?

----- **HẾT** -----

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. (4,0 điểm)

Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 16. Mỗi câu hỏi học sinh chỉ chọn một phương án đúng bằng cách tô vào phiếu trả lời trắc nghiệm (mỗi câu đúng được 0,25 điểm)

Câu 1. Ngày lễ nào ở Việt Nam được tổ chức theo dương lịch?

- A. Giỗ Tổ Hùng vương. B. Tết nguyên tiêu.
C. Tết Trung thu. D. Quốc khánh.

Câu 2. Trong các tỉ lệ bản đồ sau đây, tờ bản đồ nào có mức độ chi tiết cao nhất?

- A. 1: 200.000. B. 1: 15.000. C. 1: 7.500. D. 1: 1.000.000.

Câu 3. Học địa lí giúp em:

- A. Giải thích các hiện tượng vật lý.
B. Tìm hiểu lịch sử của nhân loại.
C. Nâng vững công thức Hóa học
D. Khám phá được tự nhiên, văn hóa, kinh tế nhiều nơi trên thế giới

Câu 4. Nội dung nào dưới đây không đúng khi mô tả về đặc điểm hình thể của Người tối cổ?

- A. Hoàn toàn đi, đứng bằng hai chân.
B. Trán cao, mặt phẳng, cơ thể gọn và linh hoạt.
C. Trán thấp, bợt ra sau, u mày nổi cao.
D. Thở tích hộp sọ lớn hơn so với vượn cổ.

Câu 5. Kinh tuyến đối diện với kinh tuyến gốc là kinh tuyến

- A. 180^0 . B. 60^0 . C. 90^0 . D. 0^0 .

Câu 6. Gắn việc học Địa lí với thực tiễn cuộc sống giúp em

- A. tập trung vận dụng vào giải quyết các vấn đề trong cuộc sống hằng ngày.
B. chỉ cần đạt kết quả cao trong học tập.
C. nâng cao kiến thức và kĩ năng giải quyết vấn đề.
D. đạt kết quả cao trong học tập, nâng cao kiến thức và kĩ năng giải quyết vấn đề.

Câu 7. Tư liệu hiện vật là

- A. những lời mô tả về các hiện vật của người xưa được lưu truyền lại.
B. bản ghi chép, nhật kí hành trình của các nhà thám hiểm trong quá khứ.
C. đồ dùng mà thầy cô giáo em sử dụng để dạy học.
D. di tích, đồ vật... của người xưa còn được lưu giữ lại trong lòng đất hay trên mặt đất.

Câu 8. Quá trình tiến hóa từ vượn thành người diễn ra theo tiến trình nào sau đây?

- A. Vượn người -> người hiện đại -> người tối cổ.
B. Người tối cổ -> người tinh khôn -> vượn nhân hình.
C. Người hiện đại -> người tối cổ -> vượn người.
D. Vượn người -> người tối cổ -> người tinh khôn.

Câu 9. Cách ngày nay khoảng 4 triệu năm, một nhánh của loài Vượn cổ đã tiến hóa thành

A. Người tinh khôn. B. Người tối cổ. C. vượn người. D. Người hiện đại.

Câu 10. Dương lịch là loại lịch dựa theo chu kì chuyển động của

- A. Mặt Trời quanh Trái Đất. B. Trái Đất quanh Mặt Trời.
C. Trái Đất quanh trục của nó. D. Mặt Trăng quanh Trái Đất.

Câu 11. Nước ta nằm ở phía nào của châu Á?

- A. Tây Nam. B. Đông Nam. C. Tây Bắc. D. Đông Bắc.

Câu 12. Lịch sử được hiểu là tất cả những gì

- A. đã và đang diễn ra trong đời sống. B. đã xảy ra trong quá khứ.
C. đang diễn ra ở hiện tại. D. sẽ xảy ra trong tương lai.

Câu 13. Tỷ lệ bản đồ chỉ rõ

- A. khoảng cách thu nhỏ nhiều hay ít các đối tượng trên quả Địa cầu.
B. độ chính xác về vị trí các đối tượng trên bản đồ so với thực địa.
C. mức độ thu nhỏ khoảng cách được vẽ trên bản đồ so với thực địa.
D. độ lớn của các đối tượng trên bản đồ so với ngoài thực địa.

Câu 14. Vĩ tuyến gốc là vĩ tuyến

- A. $23^{\circ}27'$. B. 90° . C. $66^{\circ}33'$. D. 0° .

Câu 15. Ý nào dưới đây không phản ánh đúng ý nghĩa của việc học lịch sử?

- A. Biết được quá trình hình thành và phát triển của mỗi ngành, mỗi lĩnh vực.
B. Biết được cội nguồn của bản thân, gia đình, dòng họ và dân tộc.
C. đúc kết được những bài học kinh nghiệm của quá khứ phục vụ cho hiện tại.
D. Biết được chu kì chuyển động của các thiên thể trong vũ trụ.

Câu 16. Bản đồ là

- A. hình vẽ thu nhỏ tương đối chính xác về một khu vực hay toàn bộ bề mặt Trái Đất.
B. hình vẽ thu nhỏ kém chính xác về một khu vực hay toàn bộ bề mặt Trái Đất.
C. hình vẽ thu nhỏ kém tuyệt đối chính xác về một khu vực hay toàn bộ bề mặt Trái Đất.
D. hình vẽ thu nhỏ chính xác về một khu vực hay toàn bộ bề mặt Trái Đất.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. (2,0 điểm)

Học sinh trả lời từ câu 17 đến câu 18. Trong mỗi ý A, B, C, D ở mỗi câu, học sinh ghi đúng hoặc sai (mỗi câu đúng được 0,25 điểm)

Câu 17. Chúng ta có thể xác định được vị trí của mọi điểm trên bản đồ là nhờ

- A. vai trò của hệ thống kinh, vĩ tuyến.
B. đặc điểm các đối tượng địa lí trên bản đồ.
C. số lượng các đối tượng địa lí được sắp xếp trên bản đồ.
D. mũi tên chỉ hướng bắc với các bản đồ không có hệ thống kinh, vĩ tuyến .

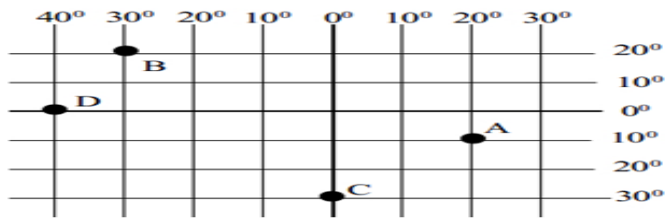
Câu 18. Hãy xác định các câu sau đây Đúng hay Sai về nội dung Lịch sử

- A. Học lịch sử để hiểu được cội nguồn dân tộc, biết được công lao, sự hi sinh to lớn của ông cha ta trong suốt lịch sử dựng nước và giữ nước.
B. Lịch sử tìm hiểu về quá khứ nhưng không có nhiều giá trị đối với hiện tại.
C. Học lịch sử để hiểu về quá khứ và xây dựng xã hội hiện tại văn minh.
D. Học lịch sử để biết sự tiến hoá của sinh vật trên Trái Đất.

PHẦN III. Câu hỏi tự luận (4,0 điểm) Học sinh trả lời vào mặt sau phiếu trả lời trắc nghiệm

Câu 19 (2,0 điểm):

- a. Quan sát hình dưới đây ghi tọa độ địa lí của các điểm A, B, C, D.



- b. Trên bản đồ hành chính có tỉ lệ 1:6 000 000, khoảng cách giữa Thủ đô Hà Nội tới thành phố thành phố Vinh (tỉnh Nghệ An) là 5cm, vậy trên thực tế hai thành phố Vinh cách Thủ đô Hà Nội bao nhiêu ki-lô-mét?
- c. Hãy cho biết 1cm trong thước tỉ lệ dưới đây bằng bao nhiêu cm trên thực tế:



Câu 20. (1,5 điểm) Các sự kiện dưới đây xảy ra cách năm 2024 khoảng bao nhiêu năm:

- + Năm 2000 TCN cách năm hiện tại (năm 2024) bao nhiêu năm?
- + Cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng nổ ra năm 40.

Câu 21. (0,5 điểm) Kể tên một số truyền thuyết có liên quan đến lịch sử mà em biết?

----- **HẾT** -----

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. (4,0 điểm)

Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 16. Mỗi câu hỏi học sinh chỉ chọn một phương án đúng bằng cách tô vào phiếu trả lời trắc nghiệm (mỗi câu đúng được 0,25 điểm)

Câu 1. Ngày lễ nào ở Việt Nam được tổ chức theo dương lịch?

- A. Giỗ Tổ Hùng vương. B. Tết nguyên tiêu.
C. Tết Trung thu. D. Quốc khánh.

Câu 2. Trong các tỉ lệ bản đồ sau đây, tờ bản đồ nào có mức độ chi tiết cao nhất?

- A. 1: 200.000. B. 1: 1.000.000. C. 1: 7.500. D. 1: 15.000.

Câu 3. Tỉ lệ bản đồ chỉ rõ

- A. mức độ thu nhỏ khoảng cách được vẽ trên bản đồ so với thực địa.
B. độ lớn của các đối tượng trên bản đồ so với ngoài thực địa.
C. khoảng cách thu nhỏ nhiều hay ít các đối tượng trên quả Địa cầu.
D. độ chính xác về vị trí các đối tượng trên bản đồ so với thực địa.

Câu 4. Nước ta nằm ở phía nào của châu Á?

- A. Tây Nam. B. Đông Nam. C. Đông Bắc. D. Tây Bắc.

Câu 5. Gắn việc học Địa lí với thực tiễn cuộc sống giúp em

- A. chỉ cần đạt kết quả cao trong học tập.
B. đạt kết quả cao trong học tập, nâng cao kiến thức và kĩ năng giải quyết vấn đề.
C. nâng cao kiến thức và kĩ năng giải quyết vấn đề.
D. tập trung vận dụng vào giải quyết các vấn đề trong cuộc sống hàng ngày.

Câu 6. Ý nào dưới đây không phản ánh đúng ý nghĩa của việc học lịch sử?

- A. Đúc kết được những bài học kinh nghiệm của quá khứ phục vụ cho hiện tại.
B. Biết được quá trình hình thành và phát triển của mỗi ngành, mỗi lĩnh vực.
C. Biết được cội nguồn của bản thân, gia đình, dòng họ và dân tộc.
D. Biết được chu kì chuyển động của các thiên thể trong vũ trụ.

Câu 7. Bản đồ là

- A. hình vẽ thu nhỏ chính xác về một khu vực hay toàn bộ bề mặt Trái Đất.
B. hình vẽ thu nhỏ kém tuyệt đối chính xác về một khu vực hay toàn bộ bề mặt Trái Đất.
C. hình vẽ thu nhỏ tương đối chính xác về một khu vực hay toàn bộ bề mặt Trái Đất.
D. hình vẽ thu nhỏ kém chính xác về một khu vực hay toàn bộ bề mặt Trái Đất.

Câu 8. Kinh tuyến đối diện với kinh tuyến gốc là kinh tuyến

- A. 90^0 . B. 0^0 . C. 180^0 . D. 60^0 .

Câu 9. Nội dung nào dưới đây không đúng khi mô tả về đặc điểm hình thể của Người tối cổ?

- A. Trán thấp, bợt ra sau, u mày nổi cao.
B. Hoàn toàn đi, đứng bằng hai chân.
C. Trán cao, mặt phẳng, cơ thể gọn và linh hoạt.
D. Thê tích hộp sọ lớn hơn so với vượn cổ.

Câu 10. Quá trình tiến hóa từ vượn thành người diễn ra theo tiến trình nào sau đây?

- A. Người tối cổ -> người tinh khôn -> vượn nhân hình.
- B. Người hiện đại -> người tối cổ -> vượn người.
- C. Vượn người -> người hiện đại -> người tối cổ.
- D. Vượn người -> người tối cổ -> người tinh khôn.

Câu 11. Cách ngày nay khoảng 4 triệu năm, một nhánh của loài Vượn cổ đã tiến hóa thành

- A. Người tinh khôn.
- B. Người tối cổ.
- C. Người hiện đại.
- D. vượn người.

Câu 12. Học địa lí giúp em:

- A. Nắm vững công thức Hóa học
- B. Khám phá được tự nhiên, văn hóa, kinh tế nhiều nơi trên thế giới
- C. Tìm hiểu lịch sử của nhân loại.
- D. Giải thích các hiện tượng vật lý.

Câu 13. Lịch sử được hiểu là tất cả những gì

- A. sẽ xảy ra trong tương lai.
- B. đang diễn ra ở hiện tại.
- C. đã xảy ra trong quá khứ.
- D. đã và đang diễn ra trong đời sống.

Câu 14. Tư liệu hiện vật là

- A. di tích, đồ vật... của người xưa còn được lưu giữ lại trong lòng đất hay trên mặt đất.
- B. bản ghi chép, nhật kí hành trình của các nhà thám hiểm trong quá khứ.
- C. đồ dùng mà thầy cô giáo em sử dụng để dạy học.
- D. những lời mô tả về các hiện vật của người xưa được lưu truyền lại.

Câu 15. Vĩ tuyến gốc là vĩ tuyến

- A. $23^{\circ}27'$.
- B. 0° .
- C. 90° .
- D. $66^{\circ}33'$.

Câu 16. Dương lịch là loại lịch dựa theo chu kì chuyển động của

- A. Trái Đất quanh Mặt Trời.
- B. Trái Đất quanh trục của nó.
- C. Mặt Trăng quanh Trái Đất.
- D. Mặt Trời quanh Trái Đất.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. (2,0 điểm)

Học sinh trả lời từ câu 17 đến câu 18. Trong mỗi ý A, B, C, D ở mỗi câu, học sinh ghi đúng hoặc sai (mỗi câu đúng được 0,25 điểm)

Câu 17. Chúng ta có thể xác định được vị trí của mọi điểm trên bản đồ là nhờ

- A. vai trò của hệ thống kinh, vĩ tuyến.
- B. đặc điểm các đối tượng địa lí trên bản đồ.
- C. số lượng các đối tượng địa lí được sắp xếp trên bản đồ.
- D. mũi tên chỉ hướng bắc với các bản đồ không có hệ thống kinh, vĩ tuyến .

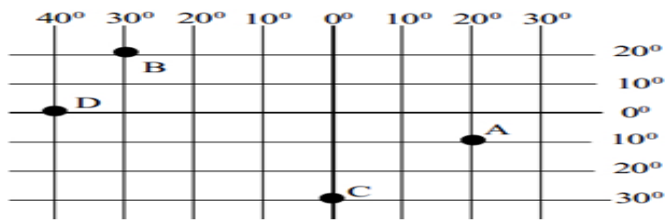
Câu 18. Hãy xác định các câu sau đây Đúng hay Sai về nội dung Lịch sử

- A. Học lịch sử để hiểu được cội nguồn dân tộc, biết được công lao, sự hi sinh to lớn của ông cha ta trong suốt lịch sử dựng nước và giữ nước.
- B. Lịch sử tìm hiểu về quá khứ nhưng không có nhiều giá trị đối với hiện tại.
- C. Học lịch sử để hiểu về quá khứ và xây dựng xã hội hiện tại văn minh.
- D. Học lịch sử để biết sự tiến hoá của sinh vật trên Trái Đất.

PHẦN III. Câu hỏi tự luận (4,0 điểm) Học sinh trả lời vào mặt sau phiếu trả lời trắc nghiệm

Câu 19 (2,0 điểm):

a. Quan sát hình dưới đây ghi tọa độ địa lí của các điểm A, B, C, D.



b. Trên bản đồ hành chính có tỉ lệ 1:6 000 000, khoảng cách giữa Thủ đô Hà Nội tới thành phố thành phố Vinh (tỉnh Nghệ An) là 5cm, vậy trên thực tế hai thành phố Vinh cách Thủ đô Hà Nội bao nhiêu ki-lô-mét?

c. Hãy cho biết 1cm trong thước tỉ lệ dưới đây bằng bao nhiêu cm trên thực tế:



Câu 20. (1,5 điểm) Các sự kiện dưới đây xảy ra cách năm 2024 khoảng bao nhiêu năm:

+ Năm 2000 TCN cách năm hiện tại (năm 2024) bao nhiêu năm?

+ Cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng nổ ra năm 40.

Câu 21. (0,5 điểm) Kể tên một số truyền thuyết có liên quan đến lịch sử mà em biết?

----- **HẾT** -----

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. (4,0 điểm)

Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 16. Mỗi câu hỏi học sinh chỉ chọn một phương án đúng bằng cách tô vào phiếu trả lời trắc nghiệm (mỗi câu đúng được 0,25 điểm)

Câu 1. Gắn việc học Địa lí với thực tiễn cuộc sống giúp em

- A. tập trung vận dụng vào giải quyết các vấn đề trong cuộc sống hằng ngày.
- B. nâng cao kiến thức và kỹ năng giải quyết vấn đề.
- C. đạt kết quả cao trong học tập, nâng cao kiến thức và kỹ năng giải quyết vấn đề.
- D. chỉ cần đạt kết quả cao trong học tập.

Câu 2. Học địa lí giúp em:

- A. Nắm vững công thức Hóa học
- B. Tìm hiểu lịch sử của nhân loại.
- C. Khám phá được tự nhiên, văn hóa, kinh tế nhiều nơi trên thế giới
- D. Giải thích các hiện tượng vật lý.

Câu 3. Dương lịch là loại lịch dựa theo chu kì chuyển động của

- A. Mặt Trời quanh Trái Đất.
- B. Trái Đất quanh Mặt Trời.
- C. Trái Đất quanh trục của nó.
- D. Mặt Trăng quanh Trái Đất.

Câu 4. Nước ta nằm ở phía nào của châu Á?

- A. Đông Nam.
- B. Đông Bắc.
- C. Tây Nam.
- D. Tây Bắc.

Câu 5. Ngày lễ nào ở Việt Nam được tổ chức theo dương lịch?

- A. Quốc khánh.
- B. Tết nguyên tiêu.
- C. Giỗ Tổ Hùng vương.
- D. Tết Trung thu.

Câu 6. Vĩ tuyến gốc là vĩ tuyến

- A. 0° .
- B. 90° .
- C. $23^{\circ}27'$.
- D. $66^{\circ}33'$.

Câu 7. Nội dung nào dưới đây không đúng khi mô tả về đặc điểm hình thể của Người tối cổ?

- A. Hoàn toàn đi, đứng bằng hai chân.
- B. Thê tích hộp sọ lớn hơn so với vượn cổ.
- C. Trán thấp, bợt ra sau, u mày nổi cao.
- D. Trán cao, mặt phẳng, cơ thể gọn và linh hoạt.

Câu 8. Tư liệu hiện vật là

- A. những lời mô tả về các hiện vật của người xưa được lưu truyền lại.
- B. đồ dùng mà thầy cô giáo em sử dụng để dạy học.
- C. bản ghi chép, nhật kí hành trình của các nhà thám hiểm trong quá khứ.
- D. di tích, đồ vật... của người xưa còn được lưu giữ lại trong lòng đất hay trên mặt đất.

Câu 9. Ý nào dưới đây không phản ánh đúng ý nghĩa của việc học lịch sử?

- A. Biết được quá trình hình thành và phát triển của mỗi ngành, mỗi lĩnh vực.
- B. Biết được cội nguồn của bản thân, gia đình, dòng họ và dân tộc.
- C. Đúc kết được những bài học kinh nghiệm của quá khứ phục vụ cho hiện tại.
- D. Biết được chu kì chuyển động của các thiên thể trong vũ trụ.

Câu 10. Quá trình tiến hóa từ vượn thành người diễn ra theo tiến trình nào sau đây?

- A. Người hiện đại -> người tối cổ -> vượn người.
- B. Vượn người -> người tối cổ -> người tinh khôn.
- C. Vượn người -> người hiện đại -> người tối cổ.
- D. Người tối cổ -> người tinh khôn -> vượn nhân hình.

Câu 11. Bản đồ là

A. hình vẽ thu nhỏ kém tuyệt đối chính xác về một khu vực hay toàn bộ bề mặt Trái Đất.

B. hình vẽ thu nhỏ kém chính xác về một khu vực hay toàn bộ bề mặt Trái Đất.

C. hình vẽ thu nhỏ tương đối chính xác về một khu vực hay toàn bộ bề mặt Trái Đất.

D. hình vẽ thu nhỏ chính xác về một khu vực hay toàn bộ bề mặt Trái Đất.

Câu 12. Tỷ lệ bản đồ chỉ rõ

A. độ chính xác về vị trí các đối tượng trên bản đồ so với thực địa.

B. độ lớn của các đối tượng trên bản đồ so với ngoài thực địa.

C. mức độ thu nhỏ khoảng cách được vẽ trên bản đồ so với thực địa.

D. khoảng cách thu nhỏ nhiều hay ít các đối tượng trên quả Địa cầu.

Câu 13. Trong các tỉ lệ bản đồ sau đây, tỉ bản đồ nào có mức độ chi tiết cao nhất?

A. 1: 200.000.

B. 1: 7.500.

C. 1: 15.000.

D. 1:

1.000.000.

Câu 14. Kinh tuyến đối diện với kinh tuyến gốc là kinh tuyến

A. 60^0 .

B. 0^0 .

C. 90^0 .

D. 180^0 .

Câu 15. Cách ngày nay khoảng 4 triệu năm, một nhánh của loài Vượn cổ đã tiến hóa thành

A. vượn người.

B. Người tối cổ.

C. Người hiện đại.

D. Người

tinh khôn.

Câu 16. Lịch sử được hiểu là tất cả những gì

A. đã và đang diễn ra trong đời sống.

B. sẽ xảy ra trong tương lai.

C. đã xảy ra trong quá khứ.

D. đang diễn ra ở hiện tại.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. (2,0 điểm)

Học sinh trả lời từ câu 17 đến câu 18. Trong mỗi ý A, B, C, D ở mỗi câu, học sinh ghi đúng hoặc sai (mỗi câu đúng được 0,25 điểm)

Câu 17. Chúng ta có thể xác định được vị trí của mọi điểm trên bản đồ là nhờ

A. vai trò của hệ thống kinh, vĩ tuyến.

B. đặc điểm các đối tượng địa lí trên bản đồ.

C. số lượng các đối tượng địa lí được sắp xếp trên bản đồ.

D. mũi tên chỉ hướng bắc với các bản đồ không có hệ thống kinh, vĩ tuyến .

Câu 18. Hãy xác định các câu sau đây Đúng hay Sai về nội dung Lịch sử

A. Học lịch sử để hiểu được cội nguồn dân tộc, biết được công lao, sự hi sinh to lớn của ông cha ta trong suốt lịch sử dựng nước và giữ nước.

B. Lịch sử tìm hiểu về quá khứ nhưng không có nhiều giá trị đối với hiện tại.

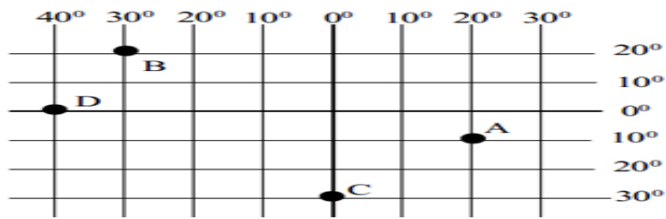
C. Học lịch sử để hiểu về quá khứ và xây dựng xã hội hiện tại văn minh.

D. Học lịch sử để biết sự tiến hoá của sinh vật trên Trái Đất.

PHẦN III. Câu hỏi tự luận (4,0 điểm) Học sinh trả lời vào mặt sau phiếu trả lời trắc nghiệm

Câu 19 (2,0 điểm):

a. Quan sát hình dưới đây ghi tọa độ địa lí của các điểm A, B, C, D.



b. Trên bản đồ hành chính có tỉ lệ 1:6 000 000, khoảng cách giữa Thủ đô Hà Nội tới thành phố thành phố Vinh (tỉnh Nghệ An) là 5cm, vậy trên thực tế hai thành phố Vinh cách Thủ đô Hà Nội bao nhiêu ki-lô-mét?

c. Hãy cho biết 1cm trong thước tỉ lệ dưới đây bằng bao nhiêu cm trên thực tế:



Câu 20. (1,5 điểm) Các sự kiện dưới đây xảy ra cách năm 2024 khoảng bao nhiêu năm:

+ Năm 2000 TCN cách năm hiện tại (năm 2024) bao nhiêu năm?

+ Cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng nổ ra năm 40.

Câu 21. (0,5 điểm) Kể tên một số truyền thuyết có liên quan đến lịch sử mà em biết?

----- **HẾT** -----

HƯỚNG DẪN CHẤM MÔN LỊCH SỬ - ĐỊA LÝ GIỮA KÌ I LỚP 6

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. (4,0 điểm)

Mỗi câu trả lời đúng 0,25 điểm

Câu \ Mã đề	Gốc	101	102	103	104
1	A	B	D	D	C
2	A	A	C	C	C
3	D	A	D	A	B
4	D	C	B	B	A
5	D	D	A	B	A
6	B	C	D	D	A
7	B	A	D	C	D
8	A	B	D	C	D
9	D	C	B	C	D
10	C	A	B	D	B
11	C	B	B	B	C
12	B	A	B	B	C
13	C	C	C	C	B
14	D	D	D	A	D
15	D	B	D	B	B
16	A	A	A	A	C

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. (2,0 điểm)

Thí sinh trả lời từ câu 25 đến câu 26. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu	A	B	C	D
17	Đ	S	S	Đ
18	Đ	S	Đ	S

PHẦN III. Câu hỏi tự luận (4,0 điểm)

Câu 19 (2,0đ)	a. Tọa độ địa lí của các điểm: A (10^0 N, 20^0 Đ), B (20^0 B, 30^0 T), C (30^0 N, 0^0) D (0^0 , 30^0 T) (mỗi tọa độ đúng được 0,25đ)	1
	b. Khoảng cách giữa Hà Nội và TP. Vinh là: $5 \times 6000000 = 30000000$ (cm) = 300 km.	0,5
	c. 1cm tỉ mét trong thước tỉ lệ trong hình vẽ bằng 100000cm trên thực tế	0,5
Câu 20 (1,5 điểm)	Năm 2000 TCN cách năm hiện tại (năm 2024): $2000+2024= 4024$ năm	0,75
	Cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng nổ ra năm 40: $2024-40= 1984$ năm	0,75

Câu 21 (0,5 điểm)	Tên một số truyền thuyết có liên quan đến lịch sử mà em biết: VD: Con Rồng cháu Tiên, Sơn Tinh Thủy Tinh, sự tích Hồ Gươm, Thánh Gióng, ... (Kể ít nhất 2 truyền thuyết trở lên đạt điểm tối đa)	0,5
----------------------------------	---	-----

BGH duyệt

Tổ, nhóm CM

Người ra đề

Nguyễn Thị Thu Huyền

Chu Thị Trúc